

# VAI TRÒ CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG NỀN KINH TẾ VỚI CÔNG NGHIỆP 4.0

TS. Nguyễn Thị Việt Nga\*

*Trong khoảng hơn 10 năm trở lại đây, khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam chiếm khoảng 40% GDP và thể hiện vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế. Đặc biệt, khu vực doanh nghiệp của kinh tế tư nhân cho thấy xu thế đóng góp ngày càng tăng trong tỷ trọng GDP, từ 6,9% năm 2010 lên khoảng 8,2% năm 2017. Và sau gần ba mươi năm chuyển đổi cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý, kinh tế tư nhân Việt Nam đã có sự hồi phục và phát triển mạnh mẽ, bài viết sẽ đi sâu phân tích về vai trò của kinh tế tư nhân (KTTN) trong nền kinh tế hiện nay.*

• Từ khóa: kinh tế tư nhân, cách mạng công nghiệp, tái cơ cấu nền kinh tế...

*Over the past 10 years, Vietnam's private sector accounted for about 40% of GDP and demonstrated an increasingly important role in the economy. In particular, the private sector of the private sector shows a growing trend in the share of GDP, from 6.9% in 2010 to about 8.2% in 2017. And after nearly thirty years of transformation economic structure and management mechanism, Vietnam's private economy has recovered and developed strongly, the article will analyze in depth the role of the private economy in the current economy.*

• Keywords: private economy, technological revolution, economic restructuring...

Ngày nhận bài: 1/3/2019

Ngày chuyển phân biên: 11/3/2019

Ngày nhận phân biên: 15/3/2019

Ngày chấp nhận đăng: 19/3/2019

## 1. Vai trò của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế

Trong khoảng 15 năm trở lại đây, vai trò của khu vực kinh tế tư nhân được thể hiện rất rõ ở những khía cạnh chủ yếu sau:

**Thứ nhất**, khu vực KTTN góp phần khơi dậy một bộ phận quan trọng tiềm năng của đất nước, tăng nguồn nội lực, tham gia phát triển nền kinh tế quốc dân. Khu vực này góp phần xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Khu vực kinh tế tư nhân phát triển

làm cho các quan hệ sở hữu của nền kinh tế trở nên đa dạng hơn. Khu vực kinh tế tư nhân phát triển đã góp phần quan trọng trong việc huy động nguồn vốn nhân rồi của xã hội và sử dụng tối ưu các nguồn lực. Môi trường kinh doanh ngày càng thuận lợi đã tạo điều kiện cho việc huy động các nguồn lực, trong đó có nguồn vốn trong cộng đồng trở nên dễ dàng và linh hoạt hơn.

**Thứ hai**, khu vực kinh tế tư nhân đã đóng góp đáng kể vào nguồn thu ngân sách nhà nước. Ngoài đóng góp vào nguồn thu ngân sách, các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN còn có sự đóng góp đáng kể vào việc xây dựng các công trình văn hóa, trường học, thể dục thể thao, đường sá, cầu cống, nhà tình nghĩa và các công trình phúc lợi khác.

**Thứ ba**, khu vực KTTN đã có những đóng góp quan trọng vào việc thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế quốc dân. Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng GDP của khu vực KTTN đều đặn và xấp xỉ với tốc độ tăng GDP của toàn bộ nền kinh tế. Sự phát triển nhanh của KTTN đã góp phần không nhỏ vào việc thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế của cả nước.

**Thứ tư**, khu vực KTTN phát triển góp phần thu hút số lượng lớn lao động cũng như góp phần đào tạo nguồn nhân lực mới cho thị trường lao động. Hiện nay ở nước ta, khu vực KTTN giải quyết việc làm cho khoảng 45 triệu lao động (bao gồm cả khu vực doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể), trong đó khu vực doanh nghiệp của tư nhân tạo việc làm cho khoảng 9 triệu lao động, chiếm 61,2% tổng số lao động làm việc trong khu

\* Học viện Tài chính

vực doanh nghiệp của nền kinh tế. Mỗi năm khu vực này tạo thêm khoảng trên 500 nghìn việc làm mới (giai đoạn 2011- 2017).

**Thứ năm**, khu vực KTTN góp phần thúc đẩy đất nước hội nhập kinh tế quốc tế. Một số doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân trở thành những tập đoàn kinh tế lớn và có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế cũng như tham gia vào các hợp đồng kinh doanh với nhiều đối tác lớn của các nước phát triển. Thông qua hình thức liên doanh, liên kết, các doanh nghiệp tư nhân đã thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế của nền kinh tế, đặc biệt là trong việc nhận chuyển giao các công nghệ tiên tiến, phù hợp với Việt Nam cũng như mở rộng thị trường, đặc biệt là đối với một số sản phẩm có ưu thế, sản phẩm đặc trưng của Việt Nam ra thị trường thế giới. Với sự năng động của mình, khu vực KTTN cho thấy sự vượt trội so với khu vực doanh nghiệp nhà nước ở khía cạnh này.

## 2. Vai trò của kinh tế tư nhân với thực trạng cơ cấu lại nền kinh tế

Khu vực KTTN, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp ngày càng phát triển, là khu vực có tốc độ phát triển nhanh nhất về mặt số lượng và đang dần trở thành một động lực của nền kinh tế Việt Nam. Tính từ năm 2000 đến 2017, số lượng doanh nghiệp (chủ yếu là thuộc khu vực kinh tế tư nhân, chiếm 97%) đã tăng hơn 10 lần, từ gần 42.300 doanh nghiệp năm 2000 lên 561.000 doanh nghiệp năm 2017. Số lượng các doanh nghiệp thành lập mới (mà đại đa số là doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân) hàng năm cũng tăng lên nhanh chóng, từ mức gần 14.500 doanh nghiệp/năm (2000) lên mức gần 127.000 doanh nghiệp/năm (2017). Việc gia tăng số lượng doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân đã làm cho cơ cấu của thành phần kinh tế thay đổi theo hướng tích cực, gia tăng khu vực năng động và có hiệu quả cao (khu vực ngoài nhà nước) và giảm tỷ trọng của khu vực được đánh giá là có hiệu quả thấp hơn (khu vực doanh nghiệp nhà nước).

Về ngành nghề, lĩnh vực hoạt động: Phần lớn các doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ. Năm 2014, tỷ lệ doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ chiếm trên 68% thì khu vực chế biến, chế tạo chỉ chiếm 15,7%, xây dựng chiếm 13,7% và nông nghiệp chỉ chiếm gần 1% số doanh nghiệp. Tương tự, tỷ lệ các hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp hoạt

động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ chiếm tỷ trọng rất lớn, tới 81,2%, phần còn lại 18,8% hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng. Sự gia tăng của số hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp chủ yếu trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, từ trên 2,86 triệu hộ năm 2007 lên hơn 5,14 triệu hộ năm 2017.

Số hộ kinh doanh cá thể trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng duy trì ở con số khá ổn định quanh mức xấp xỉ 900 nghìn trong cùng thời kỳ. Tỷ trọng các doanh nghiệp thành lập mới cho thấy một xu hướng chuyển đổi cơ cấu ngành nghề theo hướng giảm số doanh nghiệp thuộc lĩnh vực dịch vụ “giản đơn” (lĩnh vực bán buôn; bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy) và tăng tỷ trọng số doanh nghiệp thành lập mới trong các khu vực có tác động đến khoa học và công nghệ (khoa học, công nghệ; dịch vụ tư vấn, thiết kế; quảng cáo và chuyên môn khác; giáo dục và đào tạo). Tuy nhiên, xu hướng này còn chậm và chưa ổn định. Cơ cấu doanh nghiệp và lao động làm việc trong các lĩnh vực chế biến, chế tạo và một số lĩnh vực như thông tin và truyền thông; hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ; giáo dục và đào tạo thể hiện xu hướng tăng lên, trong khi đó, tỷ trọng này của lĩnh vực bán buôn, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác có sự giảm đi về số doanh nghiệp. Thực tế này cho thấy, cơ cấu về doanh nghiệp, lao động đã có những chuyển biến theo hướng tích cực, phù hợp hơn với điều kiện của CMCN 4.0 khi mà lĩnh vực liên quan đến giáo dục, đào tạo và khoa học và công nghệ được quan tâm phát triển hơn. Kết quả này cũng có thể có tác động rất lớn từ chính sách ưu tiên phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt là một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ thời gian qua mà Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức đã nỗ lực triển khai. Khu vực kinh tế tư nhân, trong thời gian vừa qua đã có những bước phát triển mạnh, một số tập đoàn kinh tế lớn đã được hình thành và hoạt động có hiệu quả và thể hiện sự linh hoạt và có những bước đi chủ động trong việc thích ứng với điều kiện CMCN 4.0, ví dụ như Vingroup, FPT,... Năm bắt xu hướng và tầm quan trọng của CMCN 4.0, một số tập đoàn kinh tế tư nhân đã có những bước đi thích hợp để có thể tận dụng được những lợi ích của nó mang lại, điển hình trong số này là Tập đoàn Vingroup với việc thành lập một số công ty, viện

ngiên cứu liên quan đến Công nghiệp 4.0 như dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật,... Bên cạnh đó, Tập đoàn này có triển khai các hoạt động hợp tác với nhiều trường đại học nhằm tài trợ các dự án nghiên cứu khoa học - công nghệ; trao đổi học hỏi kinh nghiệm giữa các giáo sư, nhà nghiên cứu, sinh viên; giảng dạy và chia sẻ tri thức; tiếp nhận sinh viên tốt nghiệp các ngành công nghệ thông tin,

### 3. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Kinh tế tư nhân, thậm chí là khu vực doanh nghiệp của tư nhân vẫn có quy mô nhỏ, năng lực công nghệ và khả năng cạnh tranh hạn chế, chưa kể năng lực quản lý và tổ chức sản xuất vẫn còn lạc hậu, chưa đáp ứng kỳ vọng và chưa chuyển thực sự theo hướng hiện đại để bắt kịp với xu thế của tổ chức sản xuất kinh doanh trong điều kiện CMCN 4.0.

- Sự liên kết của các DNTN Việt Nam còn yếu, đặc biệt là có rất ít mối liên kết giữa các doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp có qui mô lớn hơn. Theo Báo cáo triển vọng phát triển châu Á của Ngân hàng Phát triển châu Á, hiện nay mới chỉ có 21% các DNNVV của Việt Nam tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu so với 30% của Thái Lan và 46% của Malaysia.

- Một số tập đoàn kinh tế tư nhân đã được hình thành, có những tập đoàn có quy mô khá lớn nhưng chủ yếu trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh bất động sản, sản xuất hàng tiêu dùng. Gần như chưa có tập đoàn tư nhân quy mô lớn, có năng lực thực sự trong lĩnh vực công nghệ. Điều này dẫn đến sự hạn chế trong việc dẫn dắt các doanh nghiệp khác thực hiện thay đổi tổ chức sản xuất - kinh doanh theo hướng hiện đại, phù hợp với đòi hỏi của CMCN 4.0.

- Môi trường kinh doanh và các quy định, chính sách vẫn thiếu đồng bộ, hiệu lực và hiệu quả thấp nên chưa định hướng, dẫn dắt, tạo điều kiện để khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển, đặc biệt là theo hướng hiện đại, phù hợp với yêu cầu của CMCN 4.0.

- Văn hóa trong quản trị kinh doanh vẫn mang tính gia đình của một nền kinh tế thuần nông nên nhận thức và đánh giá về mức độ ảnh hưởng của CMCN 4.0 của phần lớn các doanh nghiệp chưa đúng với thực tế. Nhiều doanh nghiệp thậm chí còn chưa biết gì về Công nghiệp 4.0 cũng như các đặc trưng của cuộc cách mạng này. Thêm vào

đó, tư duy kinh doanh ngắn hạn cũng dẫn đến một thực tế là nhiều doanh nghiệp không coi trọng sự tác động của CMCN 4.0 đến hoạt động kinh doanh của mình trong tương lai, thậm chí là trong tương lai những năm sắp tới.

- Sự hình thành và phát triển của các tập đoàn kinh tế tư nhân ở Việt Nam chủ yếu được hình thành sau một giai đoạn tích lũy ngắn ngủi, dựa vào vốn tự có và ít được Nhà nước hỗ trợ. Các liên kết trong mô hình tập đoàn còn khá đơn giản, chưa triển khai được các hình thức liên kết “mềm” khác thông qua thỏa thuận, hợp tác sử dụng thương hiệu, dịch vụ, kết quả nghiên cứu đổi mới, ứng dụng khoa học, công nghệ chung trong tập đoàn theo nguyên tắc thị trường. Lĩnh vực hoạt động của các tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân mới chủ yếu tập trung vào một số lĩnh vực như dịch vụ, bất động sản... Vì vậy, DNTN Việt Nam thiếu vắng một lực lượng doanh nghiệp “đầu tàu” đủ mạnh để có thể dẫn dắt “đoàn tàu” doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

### 4. Một số kiến nghị giải pháp để phát triển kinh tế tư nhân trong điều kiện cơ cấu lại nền kinh tế và CMCN 4.0

#### *Những cơ hội và thách thức*

##### *\* Cơ hội*

- Sự quan tâm, chú trọng của Chính phủ và các bộ ngành đối với CMCN 4.0 sẽ tạo điều kiện cho những cơ chế, chính sách mới nhằm khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp nói chung, đặc biệt là doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân tăng cường năng lực để thích ứng, tận dụng tốt hơn những cơ hội mà CMCN 4.0 đem lại.

- CMCN 4.0 sẽ mang lại cho các doanh nghiệp cơ hội tiếp cận được với công nghệ, thông tin của đối tác, khách hàng dễ dàng hơn. Với nền tảng công nghệ hiện đại, doanh nghiệp có thể dễ dàng tiếp cận khối lượng dữ liệu khổng lồ về thị trường, khách hàng để xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả.

- CMCN 4.0 tạo điều kiện dễ dàng hơn để các doanh nghiệp, kể cả các DNNVV có được các hỗ trợ cả về tài chính, công nghệ từ các nhà đầu tư (mạo hiểm, thiên thần). DNNVV có thể dễ dàng kết nối và kêu gọi được vốn tài trợ từ các nhà đầu tư mạo hiểm, các nhà đầu tư thiên thần hoặc các đối tác là những doanh nghiệp quy mô lớn.

- CMCN 4.0 mang lại cho các DNNVV những cơ hội để tiếp cận với những công nghệ mới, phù hợp với mức chi phí hợp lý.

- CMCN 4.0 cũng có thể giúp các doanh nghiệp của tư nhân, kể cả các DNNVV giải quyết được khó khăn về nguồn nhân lực với khả năng kết nối ngày càng nhanh trên phạm vi rộng hơn.

*\* Thách thức*

- Khó khăn lớn nhất của doanh nghiệp nói chung và các DNNVV (chiếm tới 98% số lượng doanh nghiệp) nói riêng hiện nay chính là những vướng mắc về mặt chính sách, thủ tục hành chính.

- Hầu hết các doanh nghiệp chưa chuẩn bị sẵn sàng cho CMCN 4.0, thậm chí là việc tìm hiểu những nội dung của nó. Do đó, nhiều doanh nghiệp Việt Nam sẽ rất bị động với các xu thế mới. Với việc không hiểu rõ và đúng bản chất của CMCN 4.0, không thấy được sự liên quan của các xu thế công nghệ đến ngành, lĩnh vực của mình, không sẵn sàng nâng lực để tiếp cận công nghệ, hệ thống hạ tầng...

- Bài toán hiệu quả từ lựa chọn đầu tư công nghệ: Đầu tư và ứng dụng công nghệ sẽ là yếu tố tiên quyết quyết định thành công trong CMCN 4.0. Tuy nhiên, trong làn sóng robot hóa, ngoài việc cần trọng trong chọn lựa đầu tư, DN còn phải hiểu và nhận thức thế mạnh riêng để có quyết định đúng đắn nhất, chứ không phải chạy theo xu hướng.

- Trong một số lĩnh vực, với sự xuất hiện của robot, trí tuệ nhân tạo được dự báo số lượng nhân viên sẽ chỉ cần 1/10 so với hiện nay. Như vậy, CMCN 4.0 có thể tạo ra nguy cơ phá vỡ thị trường lao động trong bối cảnh lực lượng lao động lớn; lợi thế về nhân công giá rẻ sẽ mất dần; nguy cơ tụt hậu xa hơn... Đây là thách thức không nhỏ trong bối cảnh lao động Việt Nam đang trong tình trạng trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động còn thấp, năng suất lao động thấp, tay nghề và các kỹ năng mềm khác còn yếu...

- Tham gia vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn đa quốc gia cũng đồng nghĩa các doanh nghiệp phải tuân thủ các cam kết về xuất xứ, chất lượng, dịch vụ hàng hóa, các giá trị mà tập đoàn đặt ra như trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường,... Đây là một trong những yêu cầu không dễ thực hiện đối với nhiều doanh nghiệp.

- Thách thức về an toàn và an ninh thông tin cũng sẽ trở nên lớn hơn với nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các DNNVV.

- Cơ cấu lại và phát triển nhanh, an toàn, hiệu quả các thị trường tài chính, nhất là thị trường tiền tệ và thị trường vốn; tạo điều kiện bình đẳng, thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận vay vốn ngân hàng, huy động vốn trên thị trường chứng khoán, nhất là phát hành trái phiếu doanh nghiệp và sử dụng các dịch vụ tài chính với chi phí hợp lý. Phát triển đa dạng các định chế tài chính, các quỹ đầu tư mạo hiểm, các quỹ bảo lãnh tín dụng, các tổ chức tài chính vi mô, các tổ chức tư vấn tài chính, dịch vụ kế toán, kiểm toán, thẩm định giá, xếp hạng tín nhiệm...

*Triển khai các giải pháp khuyến khích, hỗ trợ cụ thể:*

- Đánh giá đúng thực trạng, nhận diện đúng những thời cơ, thách thức đối với các doanh nghiệp trong điều kiện Công nghiệp 4.0 để có những chính sách phù hợp. Ngoài ra, cuộc cách mạng này có thể làm chuyển dịch xuất khẩu của Việt Nam thông qua phát triển sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm công nghiệp phụ trợ, góp phần tăng khả năng xuất khẩu sang thị trường quốc tế với giá trị gia tăng cao hơn...

- Tiếp tục triển khai các quy định, chính sách nhằm khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo theo quy định của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số 38/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11 tháng 3 năm 2018 quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường năng lực tiếp cận CMCN 4.0 và các quy định, chính sách có liên quan.

- Triển khai có hiệu quả quy định của Luật chuyển giao công nghệ 2017, Nghị định 76/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Hoàn thiện môi trường pháp lý cho phát triển thị trường khoa học công nghệ theo hướng hội nhập, xây dựng môi trường pháp lý cho phát triển các ngành nghề kinh doanh mới ở Việt Nam đang bắt đầu nảy sinh từ cuộc cách mạng công nghiệp.

- Tập trung thúc đẩy phát triển, tạo sự bứt phá thực sự về hạ tầng, ứng dụng và nhân lực công nghệ thông tin - truyền thông. Phát triển hạ tầng kết nối số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng

tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp dễ dàng, bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội phát triển nội dung số.

- Rà soát lại các chiến lược, chương trình hành động, đề xuất xây dựng kế hoạch và các nhiệm vụ trọng tâm để triển khai phù hợp với xu thế phát triển của CMCN 4.0.

- Tập trung thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia theo hướng xây dựng các cơ chế, chính sách cụ thể, phù hợp để phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo như: Có cơ chế tài chính thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của doanh nghiệp với tôn chỉ doanh nghiệp là trung tâm; đổi mới cơ chế đầu tư, tài trợ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; có chính sách để phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; kết nối cộng đồng khoa học và công nghệ người Việt Nam ở nước ngoài và cộng đồng trong nước.

- Thay đổi mạnh mẽ các chính sách, nội dung, phương pháp giáo dục và dạy nghề nhằm tạo ra nguồn nhân lực có khả năng tiếp nhận các xu thế công nghệ sản xuất mới. Biến thách thức dân số cùng giá trị dân số vàng thành lợi thế trong hội nhập và phân công lao động quốc tế.

- Nâng cao nhận thức của lãnh đạo các cấp, các ngành, các địa phương, doanh nghiệp và toàn xã hội về cuộc CMCN 4.0. Tăng cường hội nhập quốc tế và thông tin, truyền thông tạo hiểu biết và nhận thức đúng về bản chất, đặc trưng, các cơ hội và thách thức của CMCN 4.0 để có cách tiếp cận, giải pháp phù hợp, hiệu quả.

- Khuyến khích sự tham gia của toàn xã hội, trong đó có doanh nghiệp tư nhân tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Phát huy vai trò của Quỹ Khởi nghiệp doanh nghiệp khoa học và công nghệ Việt Nam (khuyến khích, thúc đẩy sự tham gia của các tổ chức, công dân, nhà khoa học Việt Nam khởi nghiệp doanh nghiệp, phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất sản phẩm, hàng hóa phục vụ đời sống).

- Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp tư nhân và các loại hình doanh nghiệp khác gồm các doanh nghiệp nhà nước lớn, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và với chính các doanh nghiệp tư nhân trong nước khác. Doanh nghiệp

có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là yếu tố quan trọng đóng góp vào việc tạo thêm việc làm, tăng sản lượng công nghiệp và đẩy mạnh xuất khẩu của Việt Nam. Để tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp FDI, các doanh nghiệp Việt Nam phải biết nắm bắt thời cơ, xây dựng chiến lược, tầm nhìn xa với tinh thần dám nghĩ, dám làm và khát vọng vươn xa thì mới có thể lớn mạnh, tham gia vào sân chơi chung với các tập đoàn trong khu vực và trên thế giới.

*Các doanh nghiệp để thích ứng với CMCN 4.0, cần có sự chuẩn bị kỹ và phải bắt đầu ngay từ hạ tầng đến các ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với điều kiện của mình. Cần phải nhìn nhận vai trò quan trọng của đổi mới về công nghệ đối với việc nâng cao năng suất, chất lượng của hàng hóa, dịch vụ cũng như khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Cần phải linh hoạt trong việc thay đổi sản phẩm theo nhu cầu người tiêu dùng, tích hợp các công nghệ tiên tiến để giảm tiện quy trình sản xuất, giảm thời gian giao hàng, rút ngắn vòng đời sản phẩm nhưng vẫn đảm bảo khả năng quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh... Phát huy vai trò tiên phong, dẫn dắt của các doanh nghiệp công nghệ thông tin và viễn thông, trong đó có các tập đoàn kinh tế, bao gồm các tập đoàn kinh tế tư nhân trong lĩnh vực công nghệ thông tin nhằm tăng cường hợp tác, hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi nhanh chóng để phù hợp với yêu cầu của sản xuất kinh doanh trong điều kiện CMCN 4.0.*

#### Tài liệu tham khảo:

Bộ Công Thương (2018), "Nghiên cứu xây dựng định hướng chính sách và nhiệm vụ trọng tâm của ngành Công Thương chủ động tham gia vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư", tháng 9/2018.

Phùng Quốc Hiến, *Tạp chí cộng sản* (2018): "Để kinh tế tư nhân trở thành một động lực phát triển quan trọng của nền kinh tế".

Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia (2017), *CMCN 4.0 - Cơ hội và thách thức*, *Tạp chí Tài chính số kỳ 1 tháng 6/2017*.

Tổng cục Thống kê (2017), *Doanh nghiệp Việt Nam 15 năm đầu thế kỷ XXI (2000 - 2015)*, NXB Thống kê, Hà Nội.

*Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII "về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa".*